

BÁO CÁO THỐNG KÊ
Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính
(Từ ngày 06/09/2024 đến ngày 12/09/2024)

STT	Tên cơ quan	Hồ sơ kỳ trước chuyển sang	Hồ sơ tiếp nhận								Tổng hồ sơ phải xử lý	Hồ sơ xin hủy		Hồ sơ đã xử lý								Hồ sơ đang xử lý
			Tổng hồ sơ phát sinh trong kỳ	Phát sinh trong kỳ			Lũy kế					Phát sinh trong kỳ	Lũy kế	Phát sinh trong kỳ				Lũy kế				
				Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4				Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	
A	B	(1)	(2)=(3)+(4)+(5)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)=(1)+(2)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)+(16)	(14)	(15)	(16)	(17)=(18)+(19)+(20)	(18)	(19)	(20)	(21)=(10)-(11)-(13)
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	1	0	0	0	0	30	15	3	12	1	0	0	0	0	0	0	30	15	4	11	1
2	Bảo hiểm Xã hội	300	587	265	0	322	19.927	9.696	0	10.231	887	0	0	496	199	0	297	19.938	9.659	0	10.279	391
3	Công an tỉnh	9.270	7	7	0	0	17.434	7.155	10.279	0	9.277	0	0	4	4	0	0	9.826	3.387	6.439	0	9.273
4	Sở Giao thông Vận tải	107	680	680	0	0	19.591	19.591	0	0	787	0	0	607	607	0	0	19.667	19.667	0	0	180
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	27	94	21	73	0	4.627	1.266	3.361	0	121	0	0	98	25	73	0	4.689	1.328	3.361	0	23
6	Công ty CP Điện nước An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Công ty Điện lực An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Sở Công Thương	7	724	0	5	719	31.243	14	344	30.885	731	6	105	692	0	0	692	31.195	13	347	30835	33
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	253	36	32	4	0	27.014	634	120	26.260	289	1	29	31	28	3	0	26.766	624	112	26030	257
10	Sở Khoa học và Công nghệ	2	4	0	3	1	67	0	37	30	6	0	1	1	0	1	0	65	0	37	28	5
11	Sở Lao động, Thương binh và XH	18	7	1	5	1	478	1	416	61	25	0	46	4	1	3	0	436	1	382	53	21
12	Sở Ngoại vụ	0	1	0	1	0	19	0	19	0	1	0	0	0	0	0	0	18	0	18	0	1
13	Sở Nông nghiệp và PT Nông Thôn	78	42	3	34	5	1.710	35	1.326	349	120	2	89	67	1	62	4	1.609	34	1233	342	51
14	Sở Nội vụ	7	14	0	0	14	436	37	2	397	21	0	22	11	0	0	11	408	37	2	369	10
15	Sở Thông tin và Truyền thông	1	2	0	0	2	57	0	9	48	3	0	5	0	0	0	0	56	0	4	52	3
16	Sở Tài chính	0	0	0	0	0	17	0	3	14	0	0	2	0	0	0	0	15	0	1	14	0
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	36	9	0	9	0	680	245	411	24	45	0	4	9	0	7	2	724	322	381	21	36
18	Sở Tư pháp	461	306	149	28	129	11.935	5.610	3.087	3.238	767	1	34	322	142	61	119	12.005	5603	3232	3170	444
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	14	0	1	13	488	0	28	460	23	0	31	14	0	1	13	457	0	26	431	9
20	Sở Xây dựng	88	35	0	13	22	1.272	200	344	728	123	3	218	31	0	12	19	1.063	223	197	643	89
21	Sở Y tế	291	58	1	21	36	2.218	44	979	1.195	349	2	47	86	7	59	20	2.246	42	935	1269	261
Tổng cộng		10.956	2.620	1.159	197	1.264	139.243	44.543	20.768	73.932	13.576	15	633	2.473	1.014	282	1.177	131.213	40.955	16.711	73.547	11.088

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Phan Thị Như Huỳnh

Nguyễn Thanh Hùng